

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC X - THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **31/2026/QĐST-HNGĐ**

Thái Nguyên, ngày 17 tháng 04 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 31/2026/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 03 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Triệu Thị S, sinh năm 19xx - Địa chỉ: Thôn K, xã V, tỉnh Thái Nguyên.

- Bị đơn: Ông Bàn Văn L, sinh năm 19xx - Địa chỉ: Thôn K, xã V, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 4 năm 2026.

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 7 Điều 26; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Triệu Thị S và ông Bàn Văn L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Triệu Thị S và ông Bàn Văn L thuận tình ly hôn.

2.2. *Về con chung*: Ông Bàn Văn L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Bàn Thị V, sinh ngày 05/6/20xx và Bàn Hiếu L1, sinh ngày 31/8/20xx đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, bà Triệu Thị S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.3. *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. *Về nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.6. *Về án phí*: Bà Triệu Thị S tự nguyện chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0001220 ngày 27/03/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Trả lại cho bà Triệu Thị S số tiền tạm ứng án phí còn lại là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND Khu vực x - Thái Nguyên;
- Phòng THADS khu vực x - Thái Nguyên
- UBND xã T, tỉnh Thái Nguyên (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

THẨM PHÁN
(Đã ký)
Trần Quang Hoà